TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2020/HS-ST
Ngày 22-7-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vương Minh Tân.
2. Ông Hà Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST-HS, ngày 26 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **ĐÀM VĂN H**, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1986, tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký HKTT, chỗ ở: Thôn N, xã M, huyện Tr, tỉnh Nam Định

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đàm Văn H, sinh năm 1960 và con bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1960;

Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ hai;

Vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1986.

Con: Có 02 người con; con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/4/2020 đến ngày 23/4/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *Cấm đi khỏi nơi cư trú* tại xã M, huyện Tr, tỉnh Nam Định - Có mặt.

Bị hại: Bà Trần Thị B, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Thôn H, xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

ĐÀM VĂN H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn N, xã M, huyện Tr, tỉnh Nam Định, thuê ở trọ tại gia đình bà Phạm Thị M, thuộc thôn 9, xã V, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, để đi làm thuê. Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 20/4/2020, H điều

khiển xe môtô Biển kiểm soát: 22B1-136.04 (xe này H mượn của Võ Văn T là chủ nhà trọ, nhưng anh T không biết H mượn xe đi đâu, làm gì) đi từ nhà trọ đến nhà Bà Trần Thị B, trú tại Thôn H, xã L, thành phố Q, để hỏi mua thuốc Nam chữa bệnh.

Khi vào nhà bà B, H thấy bà B không có ở trong nhà mà chỉ có 03 cháu nhỏ ở nhà, nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà B. H đi vào trong buồng ngủ của bà B, mở nắp hòm gỗ (hòm không khóa) thấy dưới đáy hòm có 01 chiếc ví cầm tay màu nâu đỏ, bên trong ví có 01 buộc tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 buộc tiền mệnh giá 200.000 đồng; H lấy buộc tiền mệnh giá 500.000 đồng cất giấu vào trong người rồi ra ngoài điều khiển xe môtô đi về phòng trọ lấy ra đếm được tổng cộng 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), sau đó H cất giấu 7.000.000 đồng vào trong túi du lịch màu đen của H để ở phòng trọ, còn 5.000.000 đồng H cất giấu trong người. Đến khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày bà B phát hiện bị mất tiền, nên đã đến Công an thành phố Q trình báo, đề nghị giải quyết.

Hồi 14 giờ 10 phút ngày 20/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, đã thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với ĐÀM VĂN H, thu giữ trên người Hải số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở trọ của ĐÀM VĂN H, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ số tiền 7.000.000 đồng (Bẩy triệu đồng) trong túi du dịch màu đen của H để ở trong phòng trọ.

Quá trình điều tra, Bà Trần Thị B trình báo bị mất số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng chỉ xác định được ĐÀM VĂN H trộm cắp của bà Bảng số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Vật chứng: Quá trình điều tra, ngày 20/4/2020, đã thu giữ của ĐÀM VĂN H số tiền 12.000.000 đồng. Ngày 24/4/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà B số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị B đã nhận lại số tiền 12.000.000 đồng mà ĐÀM VĂN H đã trộm cắp.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra ĐÀM VĂN H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của H còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSTP, ngày 24/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố ĐÀM VĂN H về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H thành khẩn khai báo và nhận tội. Bị cáo không kêu oan. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự bị cáo H có ý kiến: Tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của bà Bảng chỉ là 12.000.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q thu giữ và trả lại cho bà B đầy đủ. Bà B yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp 13.500.000 đồng thì bị cáo không nhất trí, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị hại là Bà Trần Thị B trình bày tại Biên bản ghi lời khai có lưu trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà: Sáng ngày 20/4/2020 tôi và con rể đi lấy măng ở đồi sau nhà, nên ở nhà chỉ có 03 đứa cháu nhỏ. Sau khi đi lấy măng về đến khoảng 12 giờ trưa thì tôi phát

hiện bị mất trộm số tiền là 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) ở trong ví để ở trong hòm gỗ không khoá ở buồng ngủ của tôi. Sau khi phát hiện bị mất tiền tôi đã đến Công an thành phố Q trình báo sự việc. Quá trình giải quyết cơ quan Công an thành phố Q đã phát hiện ĐÀM VĂN H là người đã trộm cắp tiền của tôi và Công an thành phố Q trả lại cho tôi 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) đã thu giữ từ ĐÀM VĂN H.

Về trách nhiệm hình sự: Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết bị cáo H theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Số tiền tôi bị mất trộm là 25.500.000 đồng thì tôi đã nhận lại là 12.000.000 đồng, do vậy tôi yêu cầu bị cáo H phải bồi thường tiếp cho tôi là 13.500.000 đồng. Ngoài ra tôi không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết nội dung gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo ĐÀM VĂN H và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo ĐÀM VĂN H phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

- Xử phạt: Bị cáo ĐÀM VĂN H từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho Uỷ ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc bị cáo H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H không có ý kiến tranh luận gì với nội dung luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo H xin Hội đồng xét xử xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo ĐÀM VĂN H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 20/4/2020, tại nhà Bà Trần Thị B, trú tại Thôn H, xã L, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, ĐÀM VĂN

H đã có hành vi trộm cắp của Bà Trần Thị B số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, truy tố ĐÀM VĂN H về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hải không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bố đẻ của bị cáo ĐÀM VĂN H là ông Đàm Văn H đã tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế, nên đây là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để áp dụng cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo H được cải tạo dưới sự giám sát và giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hành vi và vai trò của bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo H một mình thực hiện hành vi phạm tội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đã gây ra.

Do vậy, xử phạt các bị cáo H mức án như Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[5] Bị cáo H không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt tiền làm hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại là bà B cho rằng bị mất trộm 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên toà chỉ có căn cứ xác định được bị cáo H đã trộm cắp của bà B là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), nên không có căn cứ pháp luật để xem xét, giải quyết cầu của bà B là buộc bị cáo H phải bồi thường tiếp cho bà B 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ghi nhận ngày 24/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, đã trả lại cho bị hại là Bà Trần Thị B số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Văn T cho bị cáo H mượn xe mô tô làm phương tiện đi lại; anh T không biết bị cáo H sử dụng xe vào việc phạm tội, nên không xem xét giải quyết là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo ĐÀM VĂN H phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

2. Xử phạt: Bị cáo ĐÀM VĂN H 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 22/7/2020.

Giao bị cáo ĐÀM VĂN H cho Ủy ban nhân xã M, huyện Tr, tỉnh Nam Định, để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

"Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo theo quy định tại Điều 68; 92 của Luật thi hành án hình sự".

"*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".*

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận ngày 24/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang, đã trả lại cho bị hại là Bà Trần Thị B số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo ĐÀM VĂN H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo ĐÀM VĂN H và Bà Trần Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND tỉnh Tuyên Quang;*
- *Công an tỉnh Tuyên Quang;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND TP. Tuyên Quang;*
- *Cơ quan CSĐT CA TP. Tuyên Quang;*
- *Cơ quan THA hình sự CA TP Tuyên Quang;*
- *Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;*
- *UBND xã M - Nam Trực - Nam Định;*
- *Bị cáo; bị hại;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu TAND TP. Tuyên Quang.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn